UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4093 /QĐ-UBND	*Thanh Hoá, ngày 14 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH một thành viên Trường Tuấn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án khai thác mỏ đất san lấp làm vật liệu san lấp tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá;

Xét Văn bản số 7517/STNMT-BVMT ngày 19/8/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1574/Tr-STNMT ngày 08/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH một thành viên Trường Tuấn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc của Công ty TNHH một thành viên Trường Tuấn thực hiện tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Trường Tuấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Vĩnh Hòa (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH một thành viên Trường Tuấn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc.

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH một thành viên Trường Tuấn;

+ Người đại diện (Ông): Nguyễn Đình Tuấn - Chức vụ: Giám đốc;

+ Địa chỉ liên hệ: Khu 1, Thị Trấn Quán Lào, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá.

- Vị trí địa lý:

Khu vực mỏ	Điểm góc	Diện tích (ha)	Hệ tọa độ VN 2000 - 105^0 múi chiếu 3^0	
			X (m)	Y (m)
Xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	1	8,0	2215 797.08	568 139.74
	2		2216 007.10	568 220.90
	3		2216 072.13	568 344.94
	4		2216 219.95	568 268.32
	5		2216 339.59	568 353.71
	6		2216 044.57	568 415.60
	7		2215 695.52	568 322.32

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- *Phạm vi dự án:* Khu vực đầu tư dự án là đồi đất nằm tại địa phận hành chính xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Vị trí khu vực mỏ cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp với sườn núi và đỉnh núi;

+ Phía Nam giáp với sườn núi;

+ Phía Tây giáp với sườn núi và mỏ của Công ty Tân Thành 1, mỏ của Công ty Bắc Nam (nay đã hết thời hạn khai thác).

+ Phía Đông giáp với đỉnh và sườn núi.

- *Quy mô dự án:*

+ Diện tích đất thực hiện dự án: Khoảng 8,0ha

+ Quy mô xây dựng: Nhà điều hành (lắp đặt thùng container di động); trạm cân ô tô điện tử; tuyến đường nội mỏ ô tô và các hạng mục công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật khác.

- *Công suất của dự án:* Trữ lượng khai thác 2.373.375 m^3, công suất 160.000 m^3/năm,

- *Tuổi thọ dự án:* 15 năm 06 tháng, trong đó thời gian xây dựng cơ bản là 08 tháng.

1.3. Công nghệ khai thác

Mỏ khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác khấu theo lớp bằng từ trên xuống dưới, công tác xúc bốc vận tải thực hiện tại chân tuyến vận chuyển bằng ô tô đến khu vực thi công công trình.

Quy trình công nghệ khai thác như sau: Bóc lớp đất phủ → Bốc xúc → Vận chuyên → Vị trí thi công công trình.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

- Thi công tạo mặt bằng sân công nghiệp: diện tích 2.500m^2 ;

- Thi công tạo diện công tác ban đầu: diện tích 750m^2 ;

- Tuyến đường nội mỏ: chiều dài 375m, chiều rộng 8,0m;

- Tuyến đường ngoại mỏ (cải tạo): chiều dài 675m, chiều rộng 8,0m

- Xây dựng công trình phục vụ khai thác:

+ Khu nhà điều hành: diện tích 60m^2;

+ Bãi thải diện tích 450m^2, chiều dài 30,0m, chiều rộng 15,0m; xây tường bao đá hộc cao 0,3m, rộng 0,2m. Bãi thải được bố trí từ năm đầu khai thác.

+ Hồ lắng thể tích 1.225 m^3, kích thước Dài 35,0 m x rộng 10,0 m x sâu 3,5 m; Hồ lắng chia làm 2 ngăn bởi vách ngăn lửng. Ngăn thứ nhất có thể tích 700m^3 (KT 20mx10mx3,5m) có chức năng thu nước, thành hồ bằng với mặt bằng xung quanh để thu nước mưa chảy tràn. Ngăn thứ 2 có thể tích 525m^3 (KT 15mx10mx3,5m), xây tường bao xung quanh cao 0,3m từ miệng hồ chắn nước mưa chảy tràn trên bề mặt, hướng nước thải theo rãnh thoát nước chảy vào ngăn thứ 1. Nước sau khi lắng tại ngăn thứ 1 tự chảy tràn sang ngăn thứ 2 qua vách ngăn lửng.

+ Rãnh thoát nước có chiều dài 182m, chiều rộng 1,0m, sâu 0,6m;

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động khai thác đất làm vật liệu san lấp gồm: Bóc lớp đất hữu cơ, xúc bốc, vận chuyển đất thành phẩm đến khu vực thi công công trình.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại mỏ.

- Hoạt động sửa chữa máy móc trang thiết bị tại mỏ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động môi trường chính của Dự án trong giai đoạn vận hành Dự án như sau:

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu vực khai thác, khu vực bãi thải.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động xúc bốc, vận tải.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị khai thác, vận chuyển;

- Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn từ hoạt động khai thác đất, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án.

- Quá trình bốc xúc, vận chuyển đất phát sinh tiếng ồn, độ rung gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động.

- Quá trình phát quang thảm thực vật, khai thác làm mất lớp phủ thực vật, ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực khai thác.

- Các rủi ro, sự cố do cháy nổ, trượt lở bờ mỏ, trượt lở bãi thải, tai nạn lao động.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án đầu tư

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 0,76m^3/ngày (bao gồm nước thải rửa tay chân, tắm giặt 0,38m^3/ngày; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) 0,15m^3/ngày, nước thải nhà bếp 0,23m^3/ngày). Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), BOD_5, COD và tổng Nitơ (N), tổng Photpho (P), coliform,...

- Nước mưa chảy tràn: Lượng nước mưa chảy tràn ngày mưa lớn nhất khi cơn mưa kéo dài liên tục 3h lưu tại hồ lắng trong thời gian tối thiểu 0,5h khoảng 1.194m^3.

- Nước thải từ rửa lốp bánh xe khoảng 29,6m^3/ngày; Thành phần chủ yếu là TSS, váng dầu mỡ.

3.2. Bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bốc xúc, trút đổ đất lên xe ô tô, từ hoạt động vận chuyển đất trong khu vực mỏ, từ hoạt động vận chuyển đất thành phẩm đi tiêu thụ. Thành phần chủ yếu là bụi, SO_2, NO_x, CO,…

3.3. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 7,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là túi nilon, vỏ chai, thủy tinh, thức ăn thừa, vỏ hoa quả,...

- Đất thải từ quá trình khai thác khoảng 662 m^3/năm;

- Sinh khối phát quang: 8 tấn cho cả quá trình khai thác;

- Ngoài ra, còn có lượng bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống mương thu gom, hồ lắng.

3.4. Chất thải nguy hại (CTNH)

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa... khối lượng khoảng 2,0 kg/tháng phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy khoảng 140 lít/năm.

3.5. Tiếng ồn, độ rung

Phát sinh từ hoạt bốc xúc đất từ khu vực khai thác lên các phương tiện vận chuyển, từ hoạt động di chuyển của thiết bị, phương tiện.

3.6. Các rủi ro, sự cố môi trường:

Rủi ro, sự cố sạt lở bờ moong khai thác, thiên tai dịch bệnh, tai nạn lao động, sự cố cháy nổ trong quá trình khai thác; sự cố ngộ độc thực phẩm, mất an ninh trật tự địa phương. Các rủi ro, sự cố môi trường có khả năng xảy ra với tần xuất thấp, mức độ tác động không lớn.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải

- Nước thải vệ sinh với lưu lượng 0,15 m^3/ngđ: xử lý bằng 01 nhà vệ sinh di động 03 ngăn, thể tích khoảng 1,0 m^3/bể để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý với tần suất 06 ngày/lần hoặc khi gần đầy bể.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn từ các tầng khai thác, sân công nghiệp → Rãnh thoát nước (kích thước dài 182m, rộng 1,0m, sâu 0,6m) → Hồ lắng thể tích 1.225m^3 (KT 20mx10mx3,5m) → Hệ thống mương thoát nước của khu vực.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

- Bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ; các phương tiện vận chuyển phải có bạt che phủ.

- Phun nước định kỳ cho những khu vực phát sinh bụi (khu vực khai thác; khu vực đường vận tải nội mỏ và khu vực ngoại mỏ qua tuyến đường liên xã gần dự án).

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Các phương tiện vận chuyển đất không chở quá trọng tải quy định và đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Điều tiết số lượng xe phù hợp với thời gian và khối lượng vận chuyển (không vượt quá 148 chuyến/ ngày) để tránh làm gia tăng quá mức mật độ xe hoạt động trên tuyến giao thông đi vào khu vực mỏ. Hạn chế vận chuyển vào các giờ cao điểm (từ 6-8 giờ và từ 16-18 giờ). Không vận chuyển vào thời điểm đêm khuya (sau 22h đêm đến 6 giờ sáng ngày hôm sau).

- Bố trí khu vực rửa lốp, bánh xe vận chuyển tại khu vực gần cổng ra vào khu mỏ, với tần suất 1 chuyến/lần rửa

4.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Thu gom vào 03 thùng chứa dung tích 50 lít/thùng có nắp đậy kín tại khu vực khai trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải thông thường phát sinh trong quá trình khai thác chủ yếu là đất bóc hữu cơ: thanh thải thường xuyên cho bà con cải tạo đất vườn hoặc bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua; vào năm cuối khai thác thực hiện lưu giữ tại bãi thải có diện tích 450m^2 (KT 30mx15m) để phục vụ công tác cải tạo phục hồi môi trường khu mỏ.

- Bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống mương thu gom, thoát nước, hồ lắng không chứa thành phần nguy hại được tận dụng để trồng cây.

4.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

- Bố trí 2 thùng phi mỗi thùng có dung tích 100 lít để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng và 2 thùng phi mỗi thùng có dung tích 100 lít để thu gom chất thải nguy hại dạng rắn. Các thùng có nắp đậy, dán nhãn và vận chuyển vào kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 3m^2 kích thước: DxR = 2mx1,5m; Kho được thiết kế kiểu kho kín, gắn biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý CTNH thu gom, xử lý theo đúng quy định.

4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên lao động trực tiếp.

Hạn chế sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị trên công trường thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, rung.

Bố trí lao động thích hợp, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại khu vực phát sinh tiếng ồn cao. Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân. Bố trí hợp lý giờ làm việc tuân thủ theo đúng quy định.

4.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tại khu vực khai trường khai thác: hàng năm, tiến hành gia cố bờ đáy mỏ khai thác và các tầng khai thác, gia cố mái taluy xung quanh khu vực khai trường đã kết thúc khai thác, hạn chế sạt lở ra khu vực xung quanh.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thu thoát nước và hồ lắng.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mức nước trong hồ lắng (trong trường hợp mưa lớn), nhằm kịp thời xử lý các tình huống tránh sự cố xảy ra.

- Trang bị bình chữa cháy, kiểm tra đường dây, thiết bị điện, cấm hút thuốc ở gần kho vật liệu nổ công nghiệp.

- Kiểm tra định kỳ công tác PCCC và yêu cầu CBCNV tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành.

- Thực hiện theo phương án ứng phó sự cố khi xảy ra sạt lở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện chương trình kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân.

4.7. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

4.7.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Khu vực khai thác: Xây dựng biển báo nguy hiểm; Đào mương thu nước, Bạt mái taluy, san gạt mặt bằng moong khai thác; trồng cây keo tai tượng Úc trên bề mặt taluy và khu vực moong khai thác

- Khu vực xây dựng công trình: Tháo dỡ các công trình nhà điều hành, tường kho chất thải nguy hại, tường bao bãi thải, cột điện, đường dây điện..., di dời máy móc thiết bị, di dời máy móc thiết bị, san gạt mặt bằng, phủ đất màu và trồng cây keo tai tượng Úc.

- Tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ: Gia cố tuyến đường, nạo vét mương thoát nước.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Mã hiệu	Khu vực xây dựng các công trình	Đơn vị	Khối lượng
1	AD.32531	Làm biển báo bê tông cốt thép, loại tam giác 0,7x0,7x0,7m	cái	11
2	AD.31121	Chi phí xây dựng cột biển báo	cái	11
3	AB.22121	Bạt mái taluy đai bảo vệ đất cấp I	100m^3	47,73
4	AB.27111	Đào mương thoát nước	100m^3	10,8
5	AB.41131	Vận chuyển đất từ bãi thải về khu vực moong khai thác <500m	100m^3	22,3
7	AB.34110	San gạt mặt bằng moong khai thác bằng máy ủi 110CV	100m^3	150
9	QĐ 38	Trồng keo tai tượng Úc khu vực moong khai thác	ha	5,0
10	QĐ 38	Trồng keo tai tượng Úc trên bờ taluy	ha	30
II	**Mcn**	**Khu vực xây dựng các công trình**		
1	AA.31221	Tháo dỡ mái tôn có chiều cao<6m	m^2	63
2	AA.31121	Tháo dỡ sà gồ có chiều cao<6m	tấn	0,4
3	AA.31312	Phá dỡ cửa, cửa chính, cửa sổ	m^2	8,8
4	AA.22221	Tháo dỡ kết cấu nền xi măng cốt thép	m^3	12
5	AA.22212	Phá dỡ kết cấu nền xi măng không cốt thép	m^3	23
6	AA.21112	Tháo dỡ tường bao đá hộc	m^3	67,8
7	AA.21111	Tháo dỡ tường xây gạch	m^3	4,5
8	Thực tế	Di dời máy móc thiết bị bằng ô tô 15 tấn	chuyến	5
9	Thực tế	Trám lấp giếng	m^3	0,88
10	AB.56111	Vận chuyển đổ thải ô tô 15 tấn	100m^3	1,6
11	AB.34110	Lấp hồ lắng, mương thoát nước	m^3	1.334,20
12	AA.31122	Tháo dỡ cột điện	Tấn	1,5
13	QĐ2215/QĐ-UBND	Tháo dỡ dây cáp điện	công	2
III	**Mxq**	**Khu vực xung quanh**		
1	AB.62122	Gia cố tuyến đường ngoại mỏ dài 675m, rộng 8m.	100m^3	5,4
2	AB.28211	Nạo vét mương dọc tuyến đường ngoại mỏ	100m^3	1,62

3	AB.42141	Vận chuyển đổ thải	100m^3	1,62

4.7.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **593.450.367 đồng.**

- Số lần ký quỹ 15 lần:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu (20%): **118.690.073 đồng**; Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ;

+ 14 (mười bốn) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: **33.911.450 đồng**; Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi trong khoảng thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá năm tiếp theo sau năm 2024. Số tiền trượt giá hàng năm sẽ được Chủ dự án tự kê khai và nộp cùng với số tiền ký quỹ hàng năm của Dự án.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa.

+ Địa chỉ: 14 đường Hạc Thành, thành phố Thanh Hóa.

- STK: 501.041.0752 tại Ngân hàng TM CP đầu tư và phát triển Việt Nam

- Chi nhánh Thanh Hóa.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng, khoáng sản; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa

cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo tới công nhân và dân cư xung quanh đối với các hoạt động có rủi ro cao khác.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thường xuyên thực hiện giám sát sạt lở, sụt lún, khả năng tiêu thoát nước của Dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để bảo đảm an ninh, trật tự; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, an toàn lao động, giao thông vận tải, phòng ngừa, ứng cứu sự cố sụt lở, sự cố thiên tai, cháy nổ, tai nạn lao động, rủi ro, sự cố môi trường; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.